

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Phương án mua sắm:

Dịch vụ tư vấn xây dựng cấu phần bản đồ tích hợp với Phần mềm định giá tài sản của BIDV.

Nội dung:

Dịch vụ tư vấn xây dựng cấu phần bản đồ tích hợp với Phần mềm định giá tài sản của BIDV.

Phát hành ngày:

Ngày 29 /01/2026

Ban hành kèm theo Quyết định:

Số 802 /QĐ-BIDV ngày 28/01 /2026

Bên mời chào giá
TM.TỔ ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN
NHÀ CUNG CẤP
TỔ TRƯỞNG



Nguyễn Phương Tuệ

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời chào giá	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Tên gói thầu	Dịch vụ tư vấn xây dựng cầu phân bản đồ tích hợp Phần mềm định giá tài sản
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
TTĐGTS	Trung tâm Định giá tài sản BIDV
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	Đồng Việt Nam
TSSS	Tài sản so sánh
TSTĐ	Tài sản thẩm định

PHẦN I – CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

Chương I: CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Mục tiêu mua sắm: Mua tính năng bản đồ (có bản giao mã nguồn) tích hợp với cầu phần định giá tài sản của BIDV, nhằm gia tăng tiện ích trong quá trình định giá tài sản, xác định vị trí, thông tin, hình ảnh liên quan đến tài sản cần định giá.

2. Thời gian thực hiện: 3 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Nội dung, Phạm vi:

TT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Mô tả, Ghi chú
1	Dịch vụ tư vấn xây dựng cầu phần bản đồ tích hợp với Phần mềm định giá tài sản của BIDV (bao gồm dịch vụ bảo hành/hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian 12 tháng)	01	Gói dịch vụ	Dịch vụ xây dựng cầu phần bản đồ kèm bản giao mã nguồn. BIDV có quyền sở hữu mã nguồn vĩnh viễn không giới hạn số lượng người sử dụng, số lượng môi trường, máy chủ cài đặt

4. Địa điểm triển khai: Trung tâm Định giá tài sản BIDV và Trung tâm xử lý của BIDV, Trung tâm Phát triển phần mềm.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà cung cấp đang hoạt động cấp hoặc có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật trong trường hợp nhà cung cấp là hộ kinh doanh;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật mà nhà cung cấp được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Mục 3: Các hành vi bị cấm khi tham gia đề xuất

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ;

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà cung cấp dưới mọi hình thức.

3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:

a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ đề xuất hoặc rút hồ sơ đề xuất để một bên được lựa chọn

b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên được lựa chọn;

c) Nhà cung cấp có năng lực, kinh nghiệm đã tham gia đề xuất và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được BIDV yêu cầu làm rõ hồ sơ đề xuất hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên được lựa chọn.

4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong lựa chọn nhà cung cấp;

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, BIDV, nhà cung cấp trong lựa chọn nhà cung cấp

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động lựa chọn nhà cung cấp;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn nhà cung cấp;

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ yêu cầu đối với cùng một dự toán mua sắm;

b) Tham gia đánh giá hồ sơ đề xuất, đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà cung cấp đối với cùng một gói mua sắm.

7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà cung cấp, bao gồm:

a) Nội dung hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ đề xuất của BIDV và trả lời của nhà cung cấp trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất; báo cáo của tổ mua sắm, báo cáo thẩm định; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp lựa chọn nhà cung cấp, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà cung cấp trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của BIDV và của pháp luật.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC chào giá

1. Trường hợp nhà cung cấp cần làm rõ HSYC chào giá, nhà cung cấp gửi văn bản đến bên mời chào giá trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đề xuất để xem xét, xử lý.

2. Trường hợp BIDV sửa đổi HSYC, BIDV có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà cung cấp. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC chào giá đến nhà cung cấp tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đề xuất. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm hết hạn nộp HSDX.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự gói mua sắm

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự gói mua sắm.

2. Đồng tiền đề xuất là Việt Nam Đồng (VND) hoặc Đô la Mỹ (USD). Trong trường hợp đồng tiền Đề xuất là USD, số tiền sẽ được quy đổi sang VND việc quy đổi được áp dụng theo tỷ giá bán ra do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) công bố tại thời điểm lập đề xuất.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDX được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, BIDV có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung (nếu cần thiết).

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn đề xuất theo Mẫu 01 Chương III- Biểu mẫu

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp, của người ký đơn đề xuất;

3. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ, sản phẩm liên quan (nếu có) đề xuất theo quy định tại Mục 8 Chương này;

4. Đề xuất về giá theo bảng giá đề xuất quy định theo mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu;

5. Các nội dung khác: Không yêu cầu.

Mục 7. Giá đề xuất

1. Giá đề xuất là giá do nhà cung cấp chào trong đơn đề xuất bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa bao gồm giảm giá) để thực hiện gói mua sắm theo yêu cầu của HSYC chào giá, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí.

2. Nhà cung cấp chào giá theo mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu.

3. Nhà cung cấp phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng.

Mục 8. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hoá, dịch vụ, sản phẩm liên quan (nếu có)

1. Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ, sản phẩm liên quan (nếu có) đề xuất được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà cung cấp phải tuân thủ theo ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ và hãng sản xuất của vật tư, thiết bị nêu trong HSYC.

2. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ, sản phẩm liên quan (nếu có) đề xuất so với yêu cầu của HSYC chào giá, nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX chứng minh rằng hàng hóa, dịch vụ đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương IV.

3. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm (liên quan) đề xuất có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ đề xuất, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm (liên quan) đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV.

4. Nhà cung cấp phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ trong thời hạn bảo hành/hỗ trợ kỹ thuật (dự kiến 12 tháng) sau khi hoàn thành dịch vụ bắt đầu được đưa vào sử dụng.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, BIDV có thể đề nghị nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách và chữ ký trong HSDX

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị một bản gốc và một bản mềm (*Các file mềm là các tệp được tạo bằng phông chữ Unicode và không bị nén bằng mật khẩu. Các định dạng bao gồm: file văn bản: doc, .docx, .pdf; file hình ảnh: .jpg, .png; file bảng tính .xls, .xlsx*). Nhà cung cấp cần ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên BIDV bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản gốc và bản mềm.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I- Chỉ dẫn đối với nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất.

Mục 11. Thời điểm hết hạn nộp HSDX và Mở HSDX

1. Thời gian phát hành HSYC chào giá: Từ ngày 29/01/2026 đến trước 11 giờ 00 phút ngày 06/02/2026.

2. Địa điểm phát hành HSYC chào giá: HSYC chào giá được đăng tải công khai tại chuyên mục "Tin tức" trên website chính thức của BIDV tại địa chỉ: <https://bidv.com.vn>.

3. Địa điểm nộp HSDX: HSDX do nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của BIDV nhưng phải đảm bảo BIDV nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX: 11 giờ 00 phút, ngày 06/02/2026, tại Trung tâm Định giá tài sản – BIDV (Tầng 4 toà nhà 263 Đường Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội).

4. Mở HSDX:

BIDV tiến hành mở HSDX bao gồm các nội dung sau:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà cung cấp:

- Số lượng bản gốc, file mềm;
- Giá đề xuất trong đơn đề xuất;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói mua sắm;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản Mở HSDX bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản Mở HSDX phải được ký xác nhận bởi đại diện của BIDV và các nhà cung cấp tham dự mở HSDX (nếu có). Biên bản này phải được gửi cho tất cả các nhà cung cấp nộp HSDX trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm hoàn thành mở HSDX. Đại diện của BIDV phải ký xác nhận vào bản gốc đơn đề xuất, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

Mục 12. Đánh giá HSDX

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, BIDV có thể yêu cầu nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói mua sắm và các nội dung liên quan khác (nếu có).

Mục 13. Điều kiện đối với nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn

Nhà cung cấp được lựa chọn triển khai gói mua sắm khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC chào giá;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu chào giá;
4. Có giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;
5. Có giá đề xuất (giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 14. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

Kết quả lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt được BIDV đăng tải công khai trên website chính thức của BIDV (<https://bidv.com.vn>). Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp như sau:

a) Thông tin về gói mua sắm:

- Tên gói mua sắm;
- Giá gói mua sắm hoặc dự toán được duyệt (nếu có);
- Tên BIDV;
- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp;
- Loại hợp đồng;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

b) Thông tin về nhà cung cấp được lựa chọn:

- Tên nhà cung cấp;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá đề xuất;
- Giá được lựa chọn;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn.

Mục 15. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói mua sắm theo yêu cầu của HSYC chào giá. Trường hợp thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC chào giá thì BIDV sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà cung cấp và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 16. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà cung cấp được lựa chọn phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng (10% giá trị hợp đồng) theo hình thức ký quỹ hoặc thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (ngoại trừ các đơn vị thành viên thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam) phát hành. Trường hợp nhà cung cấp sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh quy định tại Mẫu số 10 chương VII của HSYC chào giá này hoặc một mẫu khác được bên mời chào giá chấp thuận.

2. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 17. Giải quyết kiến nghị

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà cung cấp, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo địa chỉ của bên mời chào giá: Trung tâm Định giá tài sản – BIDV (Tầng 4 toà nhà 263 Đường Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, file mềm HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo quy định tại Mục 6 Chương I- Chỉ dẫn đối với nhà cung cấp;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và file mềm để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX..

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
 - b) Có đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC chào giá; thời gian ký đơn đề xuất phải sau thời điểm phát hành HSYC chào giá; không đề xuất các giá đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho BIDV;
 - c) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
 - d) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I.
- Nhà cung cấp có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng hồ sơ đề xuất được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà cung cấp, căn cứ tính chất gói mua sắm để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà cung cấp			50		50
1.1	Đã triển khai tối thiểu 02 hợp đồng có nội dung về bản đồ giá, tích hợp thông tin quy hoạch cho các tổ chức tại Việt Nam trong khoảng thời gian kể từ 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu (thể hiện bằng bản sao hợp đồng và/hoặc biên bản nghiệm thu/thanh lý).			50	- Có 02 hợp đồng: 50 điểm. - Không có đủ 2 hợp đồng tương tự đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	50
2	Uy tín của nhà cung cấp thông qua việc tham dự chào giá, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu			50		50
2.1	Trong vòng 3 năm gần đây, nhà cung cấp cam kết không có hợp đồng bị chủ đầu tư kết luận là không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp.			50	- Nhà cung cấp không vi phạm: 50 điểm; - Nhà cung cấp có vi phạm quy định thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà cung cấp (Chủ đầu tư/Tổ chuyên gia tra cứu các thông tin vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc các tài liệu, bằng chứng mà Chủ đầu tư có hoặc sau khi Chủ đầu tư đề nghị bổ sung nhưng nhà cung cấp không có văn bản cam kết): 0 điểm.	50

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3	Giải pháp và phương pháp luận			305	1. Nhà cung cấp có bản tuyên bố đáp ứng các nội dung tại Điều khoản tham chiếu. Với mỗi yêu cầu tại Điều khoản tham chiếu, nhà cung cấp cần thuyết minh mức độ đáp ứng của bản đề xuất kỹ thuật theo các mức độ như sau: + A: Accept (đáp ứng tiêu chí yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu) + P: Partial (đáp ứng một phần tiêu chí yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu) + N: Not available (không đáp ứng tiêu chí yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu) 2. Nguyên tắc đánh giá tuyên bố của nhà cung cấp: + Các mục được tuyên bố là A sẽ được đánh giá cao nhất đến 100% điểm tối đa. Nếu các nội dung thuyết minh, trình bày không chứng minh được tuyên bố đó đúng là "A", BIDV sẽ đánh giá là P hoặc N tùy theo nội dung đề xuất của nhà cung cấp và BIDV thấy tuyên bố đó thuộc loại nào. Trường hợp nhà cung cấp không có thuyết minh, không có nội dung chứng minh, BDV sẽ yêu cầu làm rõ nhưng điểm đánh giá cao nhất đến 90% điểm tối đa. + Các mục được nhà cung cấp tuyên bố là "P" sẽ được đánh giá cao nhất đến 90%	270

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
					điểm tối đa. Nếu nội dung giải thích cho BIDV thấy không đáp ứng được yêu cầu, BIDV sẽ đánh giá là N. + Các mục được tuyên bố là "N" sẽ được đánh giá là 0 điểm. Trường hợp BIDV xét thấy nội dung thuyết minh/giải thích trong các tài liệu cung cấp không đủ cơ sở để đánh giá thì tuyên bố đó được đánh giá là N. Việc đánh giá các tuyên bố của nhà cung cấp căn cứ vào tài liệu nhà cung cấp cung cấp trong hồ sơ đề xuất, tài liệu làm rõ trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất để làm căn cứ chấm điểm.	
3.1	Yêu cầu kỹ thuật			204		186
3.1.1	Yêu cầu công nghệ sử dụng: Đối với Module Bản đồ giá, BIDV yêu cầu sử dụng các công nghệ như sau để phù hợp với Framework hiện tại của chương trình định giá tài sản của BIDV:			55		55
3.1.1.1	Cấu phần Web: + Framework: NX, Angular 16.2.12+, TypeScript 5.1.3+ + Kiến trúc: Micro-frontend + Domain: BIDV tự host module trên domain nội bộ + SSL: HTTPS bắt buộc + Truy cập: Chỉ mạng nội bộ + Hỗ trợ tối thiểu các trình duyệt: Chrome 90+, Firefox 88+, Safari 14+, Edge 90+ + Độ phân giải desktop: Từ màn hình 1366x768 trở lên, hiển thị tốt không tràn ngang tại 1920x1080, 1366x768, 1440x900; layout tự co giãn giữa các kích thước này			25	- Giải pháp nhà cung cấp đề xuất đầy đủ, chi tiết đáp ứng các đặc tính, yêu cầu của BIDV: 25 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm	25

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.1.1.2	Cấu phần Mobile: - Môi trường lập trình: Flutter version tối thiểu 3.35.2 - Ngôn ngữ: Dart version tối thiểu 3.9.0 - Kiến trúc: - State Management : BLoC (flutter_bloc 9.1.1+) - Clean Architecture - Navigation Lib: go_router (go_router 16.2.2+ , go_router_builder 4.0.1+, auto_route 11.0.0+) - Multi Language Lib: easy_localization: 3.0.3+			15	- Giải pháp nhà cung cấp đề xuất đầy đủ, chi tiết đáp ứng các đặc tính, yêu cầu của BIDV: 15 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm	15
3.1.1.3	Cấu hình ứng dụng: - Hỗ trợ Android: từ Android 6 trở lên - Hỗ trợ iOS: từ iOS 12 trở lên - Hỗ trợ và hoạt động tốt cả Smartphone và Tablet ở cả 2 dạng ngang và dọc (Landscape Orientation và Portrait Orientation). - Hỗ trợ tối thiểu các trình duyệt: Chrome 90+, Firefox 88+, Safari 14+, Edge 90+ - Độ phân giải desktop: Từ màn hình 1366x768 trở lên, hiển thị tốt không tràn ngang tại 1920x1080, 1366x768, 1440x900; layout tự co giãn giữa các kích thước này			15	- Giải pháp nhà cung cấp đề xuất đầy đủ, chi tiết đáp ứng các đặc tính, yêu cầu của BIDV: 15 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm	15
3.1.2	Thiết kế: - Cấu phần bản đồ phải được xây dựng theo hướng Modules hóa, quy hoạch thành nhiều lớp đảm bảo khả năng tái sử dụng và triển khai độc lập từng cấu phần, phải hỗ trợ triển khai đa nền tảng, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của BIDV đồng thời hỗ trợ tích hợp với các hệ thống của BIDV theo yêu cầu - Cấu phần bản đồ phải đảm bảo hiệu quả trong việc tối ưu hóa, tăng hiệu suất lập trình, giảm thiểu sự lãng phí tài nguyên, nhà cung cấp trình bày làm rõ vai trò, cách thức sử dụng module trong việc tối ưu hóa, tăng hiệu suất lập trình, giảm thiểu sự lãng phí tài nguyên. - Nhà cung cấp bàn giao BIDV các tài liệu phân tích thiết kế chi tiết			15		12

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	theo các nội dung: Các chức năng, chi tiết input, output của các API, các UI component, cấu trúc các message sử dụng trong thiết kế.					
3.1.3	Các tiêu chí kỹ thuật:			72		67
3.1.3.1	Module bàn giao khi tích hợp vào phần mềm/chương trình của BIDV đảm bảo tuân thủ kiến trúc Microservice - triển khai trên nền tảng Redhat Openshift.			20		18
3.1.3.2	Module khi bàn giao phải đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu, tiêu chuẩn lập trình sau:			52		49
3.1.3.2.1	Front End: 1. Thiết kế Component: i) Nguyên tắc "Single Responsibility": Mỗi component chỉ đảm nhận một chức năng duy nhất, tránh làm quá nhiều việc trong cùng một nơi. ii) Smart và Dumb Components: ++ Smart Components (container) xử lý logic, gọi API, quản lý state. ++ Dumb Components (presentational) chỉ nhận dữ liệu qua props và hiển thị giao diện. iii) Tái sử dụng (Reusability): Thiết kế component theo hướng tổng quát để có thể dùng lại trong nhiều màn hình khác nhau. 2. Thiết kế Service: i) Single Responsibility: Mỗi service chỉ nên quản lý một nhóm chức năng hoặc một domain, giúp dễ bảo trì và mở rộng. ii) Dependency Injection: Sử dụng DI đúng cách để giảm phụ thuộc cứng giữa các lớp, tăng khả năng test và thay thế.			10	- Đáp ứng: Tối đa 10 điểm - Không đáp ứng mỗi mục tiêu (các mục i,ii,iii) trong yêu cầu trừ 2 điểm,	9

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.1.3.2.2	Tiêu chuẩn API: các API đảm bảo sử dụng + HTTPS + Áp dụng mTLS + Payload: cấu trúc JSON + Giao tiếp: Hỗ trợ postMessage API + API Url phải theo quy định về format API Url có dạng như sau: {{LDH_URL}}/collateralvalue-service/v(1,2,3,...)/(tên module)/(chức năng)?(xxx)=(giá trị xxx) + Thời gian chờ phản hồi API: + Timeout: 5 seconds cho mọi request + Retry: Tối đa 3 lần retry + Fallback: Show error message nếu timeout			27		25
3.1.3.2.3	Đảm bảo các ứng dụng tại BIDV có thể dùng IFrame để sử dụng Module bản đồ giá.			15		15
3.1.4	Quy định viết code: i) Đặt tên biến, phương thức và lớp: + Sử dụng camelCase cho tên biến và phương thức (ví dụ: myVariable, calculateTotal()). Không dùng dấu gạch dưới trong tên hàm và phương thức + Sử dụng PascalCase cho tên lớp (ví dụ: MyClass) ii) Chú thích mã nguồn: + Sử dụng chú thích để giải thích mã nguồn. + Sử dụng chú thích để mô tả các hàm, lớp và biến. iii) Tuân thủ nguyên tắc SOLID: + Đảm bảo mã nguồn tuân thủ các nguyên tắc thiết kế SOLID (Single Responsibility, Open/Closed, Liskov Substitution, Interface Segregation, Dependency Inversion). iv) Kiểm tra và sửa lỗi: Sử dụng công cụ kiểm tra mã nguồn như Dart Analyzer hoặc các công cụ tương tự để phát hiện và sửa lỗi mã nguồn. v) Sử dụng chữ in hoa và dấu gạch dưới để phân tách các từ trong hằng số, tên mô tả rõ ràng mục đích của			21		18

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	hãng số. vi) Tên biến list phải có hậu tố List, tên biến map phải có hậu tố Map, tên biến array phải có hậu tố Array, tên biến set phải có hậu tố Set. vii) Đáp ứng các quy chuẩn đã được định nghĩa của ngôn ngữ Dart và tuân thủ theo tiêu chuẩn Effective Dart sau: https://dart.dev/effective-dart					
3.1.5	<i>Yêu cầu về hiệu năng:</i> Các yêu cầu về hiệu năng của Module sẽ được BIDV review, đánh giá lại và xác nhận nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu của BIDV. - Tốc độ Render: Ứng dụng cần render UI một cách nhanh chóng (tốc độ phản hồi < 1 giây) để đảm bảo trải nghiệm người dùng mượt mà. - Yêu cầu API tích hợp chịu tải tối thiểu: 20 TPS.			10	- Giải pháp nhà cung cấp đề xuất đầy đủ, chi tiết đáp ứng các đặc tính, yêu cầu của BIDV: Tối đa 10 điểm - Không đáp ứng mỗi mục tiêu trong yêu cầu trừ 5 điểm	8
3.1.6	<i>Các yêu cầu về bảo mật:</i> - Yêu cầu chung: Sản phẩm kết quả trước khi bàn giao cho BIDV sẽ được nhà cung cấp đánh giá bảo mật của Bên thứ ba (được phép cung cấp dịch vụ an toàn thông tin) trước khi triển khai chính thức. Toàn bộ chi phí thuê đánh giá bảo mật do nhà cung cấp chi trả. - Đảm bảo tất cả giá trị đầu vào phải được kiểm tra, không xảy ra các lỗ hổng Injection có thể khai thác từ phía máy khách (client-side). Nhà cung cấp có thể chứng minh bằng nhiều cách khác nhau, từ việc dùng mã nguồn, hoặc pentest report hoặc kết quả Input scan - Yêu cầu về bảo mật dữ liệu: Để hạn chế thất thoát dữ liệu, nhà cung cấp thực hiện hoặc cam kết thực hiện việc mã hóa/masking thông tin nhạy cảm và thông tin cá nhân, xóa bỏ dữ liệu ngay sau khi xử lý/định kỳ xóa bỏ dữ liệu. Các biện pháp mã hóa sử dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mã hóa dữ liệu sử dụng trong lĩnh vực ngân hàng (QCVN 4:2016/BQP) hoặc tuân thủ theo khuyến nghị của các			21		18

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	bộ tiêu chuẩn quốc tế đã được công nhận (Ví dụ: FIPS 140- 2, NIST 800-107, OWASP, PCI-DSS, GDPR,...). - Đảm bảo mã nguồn (source code) không chứa secret (API key, password, token, cert, SSH,...). - Đảm bảo mã nguồn không tồn tại các điểm yếu, lỗ hổng bảo mật đã được công bố (CWE/CVE) liên quan đến lập trình an toàn. - Yêu cầu các công nghệ (Framework, Thư viện, ...) được sử dụng là các phiên bản không tồn tại lỗ hổng/điểm yếu bảo mật đã được công bố với Mức độ nghiêm trọng Trung bình trở lên (Cao, Nghiêm trọng). - Nhà cung cấp cam kết các bảo mật thông tin cá nhân và dữ liệu của người dùng và các tài sản được định giá. - Nhà cung cấp cam kết đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin dữ liệu địa chính và tài sản.					
3.1.7	Tích hợp hệ thống nội bộ của BIDV: Cấu phần bản đồ phải tích hợp với các hệ thống quản lý nội bộ của BIDV (log tập trung, tích hợp các hệ thống nội bộ của BIDV thông qua OpenAPI) theo các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định hiện hành của BIDV và xây dựng thành các cấu phần dùng chung, cụ thể: + Tích hợp hệ thống log tập trung của BIDV bằng cách đẩy các log hệ thống vào Kafka queue. + Tích hợp các hệ thống nội bộ của BIDV thông qua OpenAPI sử dụng authentication /authorization qua hệ thống quản lý tập trung và cấp quyền qua JWT Token, lưu trữ các public key để giải mã và xác thực quyền truy cập, ủy quyền.			10	- Giải pháp nhà cung cấp đề xuất đầy đủ, chi tiết đáp ứng các đặc tính, yêu cầu của BIDV: Tối đa 10 điểm - Không đáp ứng mỗi mục tiêu trong yêu cầu trừ 5 điểm	8
3.2	Yêu cầu về triển khai			18		16
	Nhà cung cấp cần thực hiện các nội dung sau:					

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.2.1	- Cung cấp tài liệu về phương án triển khai, các phương án dự phòng, chi tiết kế hoạch triển khai, yêu cầu chi tiết về tài nguyên đối với từng môi trường. - Thực hiện test và cung cấp tài liệu về quy trình kiểm thử từ test case, kết quả test, báo cáo tổng hợp kết quả test. - Tài liệu hóa các lưu ý, các vấn đề hotfix phát sinh trong quá trình triển khai. - Hướng dẫn, đào tạo kỹ thuật từ giai đoạn phát triển đến triển khai, vận hành bao gồm cả các lỗi có thể phát sinh. - Cung cấp nhân sự hỗ trợ (bao gồm cả từ xa và tại BIDV) trong quá trình triển khai và tích hợp hệ thống các môi trường Dev/Production. Bao gồm cả các nội dung cài đặt, cấu hình, kiểm tra các thành phần và các nội dung cập nhật bản vá, tuning, tối ưu cấu hình, cài đặt vv... sau bản hàng.			10	- Giải pháp nhà cung cấp đề xuất đầy đủ, chi tiết đáp ứng các đặc tính, yêu cầu của BIDV: Tối đa 10 điểm - Không đáp ứng mỗi mục tiêu trong yêu cầu trừ 2,5 điểm	8
3.2.2	Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.			8	- Đáp ứng: 8 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm	8
3.3	Yêu cầu nghiệp vụ			83		68
	Sản phẩm bàn giao phải đáp ứng các nội dung sau					
3.3.1	Bản đồ giá: Là trang mặc định khi truy cập vào ứng dụng Bản đồ giá.			27		22
3.3.1.1	Thông tin hiển thị:			15		13
3.3.1.1.1	Bản đồ hiển thị các tài sản đã thẩm định và tài sản so sánh trong hệ thống.			3	- Đáp ứng: 3 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm	3
3.3.1.1.2	Mỗi tài sản sẽ được thể hiện bằng biểu tượng riêng biệt theo loại tài sản.			2	- Đáp ứng: 2 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm	2

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.3.1. 1.3	Mô tả các trường thông tin bộ lọc khi tra cứu tài sản trên bản đồ giá: + Tìm kiếm theo địa chỉ: Tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã, đường/phố + Tìm kiếm theo tọa độ: Được phép nhập hoặc chọn điểm trên bản đồ. + Nguồn thông tin: TSDG/TSSS/Tài sản định giá tại Chi nhánh/Chứng thư TĐG. + Loại tài sản: Đất ở/Chung cư/Sàn văn phòng/Nhà xưởng/Tòa nhà. + Loại vị trí: VT1, VT2, VT3, VT4, VT5. + Thời điểm định giá/Thời điểm thu thập thông tin: từ ngày đến ngày. + Bán kính (tính từ vị trí ghim trên bản đồ)			10		8
3.3.1. 2	Chức năng: i) Tìm kiếm nhanh: Cho phép người dùng tìm kiếm theo địa chỉ tài sản và tọa độ ii) Xem thông tin tài sản: + Bấm vào tài sản hiển thị trên bản đồ để xem thông tin chung. + Bấm vào chi tiết để dẫn đến thông tin tài sản lưu trong kho giá (đối với bản web).			5		5
3.3.1. 3	- Hộp thoại thông tin tài sản sẽ bao gồm một số thông tin như: Mã tài sản, diện tích thửa đất, giá trị bất động sản, đơn giá đã chiết trừ/đơn giá sàn, căn hộ, nguồn thông tin, ngày thu thập. - Marker hiển thị: Hiển thị theo Nguồn thông tin của tài sản.			7	- Giải pháp nhà cung cấp đề xuất đầy đủ, chi tiết đáp ứng các đặc tính, yêu cầu của BIDV: Tối đa 7 điểm - Không đáp ứng mỗi mục tiêu trong yêu cầu trừ 4 điểm	6

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.3.2	Lựa chọn tài sản so sánh - Hệ thống hiển thị bản đồ với những tài sản so sánh có trong kho giá (nằm trong phạm vi bán kính đã lựa chọn tính từ vị trí tài sản thẩm định). Người dùng có thể thay đổi Điều kiện lọc để tìm những tài sản phù hợp (bộ lọc tương tự với chức năng bản đồ giá). - Người dùng có thể tìm kiếm nhanh theo mã tài sản so sánh/mã kho giá để xem thông tin hoặc bấm trực tiếp vào tài sản so sánh trên bản đồ. - Hộp thoại thông tin tài sản sẽ bao gồm một số thông tin như: Mã kho giá, mã tài sản, diện tích thửa đất, diện tích căn hộ/sàn, giá trị bất động sản, đơn giá đã chiết trừ/đơn giá sàn, căn hộ, nguồn thông tin, ngày thu thập. Sau khi kiểm tra thông tin, bấm chọn để lựa chọn tài sản đưa vào điều chỉnh. - Sau khi lựa chọn đủ 3 tài sản so sánh, Bấm chụp bản đồ để chụp vị trí tài sản thẩm định và các tài sản so sánh, hình ảnh này sẽ được lưu để người dùng sử dụng.			16		14
3.3.3	Xác định vị trí tài sản: - Chức năng này hiển thị bản đồ với thanh tìm kiếm để người dùng thực hiện nhập địa điểm hoặc tọa độ để xác định vị trí tài sản. - Bản đồ hỗ trợ các lớp quy hoạch và xem dạng vệ tinh. - Người dùng có thể xem thông tin chi tiết của vị trí vừa chọn (mang tính chất tham khảo). - Sau khi đã lựa chọn xong vị trí tài sản, Bấm xác nhận để ghim tọa độ tài sản.			20		16
3.3.4	Hỗ trợ tra cứu thông tin quy hoạch:			20		16
3.3.4.1	Là trang mặc định khi truy cập vào ứng dụng bản đồ. Thông tin hiển thị: - Lớp bản đồ quy hoạch chi tiết, phủ lên nền bản đồ cơ sở, hiển thị các khu chức năng như: Đất ở, đất công cộng, đất giao thông... - Mỗi khu vực có màu sắc và ký hiệu riêng biệt theo đúng bản đồ			10		8

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	quy hoạch do cơ quan chức năng cung cấp.					
3.3.4. 2	Chức năng: - Tìm kiếm: Cho phép người dùng tìm kiếm theo địa chỉ, tọa độ... - Tra cứu thông tin thửa đất: Sau khi tìm kiếm được vị trí tài sản cần tra cứu thông tin, người dùng click trực tiếp và hệ thống trả kết quả về thông tin thửa đất.			10	- Giải pháp nhà cung cấp đề xuất đầy đủ, chi tiết đáp ứng các đặc tính, yêu cầu của BIDV: Tối đa 10 điểm - Không đáp ứng mỗi mục tiêu trong yêu cầu trừ 5 điểm	8
4	Nhân sự chủ chốt			440		389
4.1	Vị trí Quản trị dự án và đảm bảo chất lượng	Quản trị dự án và đảm bảo chất lượng	1	100		90
4.1.1	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm Quản lý dự án/phần mềm CNTT (Tài liệu chứng minh là: Tài liệu tham gia các dự án/phần mềm với công việc tương tự có tên của nhân sự)			50	- Có 03 năm kinh nghiệm trong công việc tương tự: 40 điểm (Cộng 5 điểm cho mỗi năm kinh nghiệm tăng thêm, cộng tối đa 10 điểm) - Không đủ 03 năm kinh nghiệm trong công việc tương tự: 0 điểm	40
4.1.2	Trình độ chuyên môn: Trình độ từ đại học trở lên, chuyên ngành công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông hoặc tương đương			50	- Đáp ứng: 50 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm	50
4.2	Vị trí Trưởng nhóm kỹ thuật	Trưởng nhóm kỹ thuật	1	100		90
4.2.1	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự Tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trưởng nhóm kỹ thuật dự án/phần mềm CNTT có nội dung về bản đồ giá (Tài liệu chứng minh là: Tài liệu tham gia các dự án/phần mềm với công việc tương tự có tên của nhân sự)			50	- Có 02 năm kinh nghiệm trong công việc tương tự: 40 điểm (cộng 5 điểm cho mỗi năm kinh nghiệm tăng thêm, cộng tối đa 10 điểm) - Không tham gia tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong công việc tương tự: 0 điểm	40
4.2.2	Trình độ chuyên môn: Trình độ từ Đại học trở lên chuyên ngành			50	- Đáp ứng: 50 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm	50

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	CNTT hoặc Điện tử viễn thông hoặc tương đương					
4.3	Vị trí Phân tích thiết kế hệ thống	Phân tích thiết kế hệ thống	1	100		90
4.3.1	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự Tối thiểu 01 năm kinh nghiệm tại vị trí phân tích thiết kế hệ thống CNTT Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm tham gia phần mềm CNTT có nội dung về bản đồ giá (Tài liệu chứng minh là: Tài liệu tham gia các dự án/phần mềm với công việc tương tự có tên của nhân sự)			50	- Có 01 năm kinh nghiệm trong công việc tương tự: 20 điểm (Cộng 2 điểm cho mỗi năm kinh nghiệm tăng thêm, cộng tối đa 4 điểm) - Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm tham gia phần mềm CNTT có nội dung về bản đồ giá: 20 điểm (Cộng 3 điểm cho mỗi năm kinh nghiệm tăng thêm, cộng tối đa 6 điểm) - Không đáp ứng: 0 điểm	40
4.3.2	Trình độ chuyên môn: Trình độ từ Đại học trở lên chuyên ngành CNTT hoặc Điện tử viễn thông hoặc tương đương			50	- Đáp ứng: 50 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm	50
4.4	Vị trí Cán bộ kỹ thuật	Cán bộ kỹ thuật	7	140		119
	<i>Yêu cầu cho mỗi nhân sự như sau:</i>					
4.4.1	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự: Ít nhất 01 năm kinh nghiệm tham gia dự án hoặc phần mềm có nội dung về bản đồ giá (Tài liệu chứng minh là: Tài liệu tham gia các dự án/phần mềm với công việc tương tự)			10	Nhân sự có 01 năm kinh nghiệm trong công việc tương tự: 7 điểm (cộng 1 điểm cho mỗi năm kinh nghiệm tăng thêm, cộng tối đa 3 điểm) - Không đáp ứng: 0 điểm	7
4.4.2	Trình độ chuyên môn: Trình độ từ Cao đẳng trở lên chuyên ngành CNTT/ Điện tử viễn thông			10	- Đáp ứng: 10 điểm - Không đáp ứng: 0 điểm	10
5	Yêu cầu về bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật			65		54
5.1	Thời gian bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật: 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu			10		10

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
5.2	Công việc bảo hành/hỗ trợ kỹ thuật bao gồm tối thiểu các công việc sau:			55		44
5.2.1	Hỗ trợ cài đặt, tích hợp với hệ thống Định giá tài sản của BIDV và chỉnh sửa các lỗi liên quan đến quá trình sử dụng, tích hợp.			10		8
5.2.2	Nhà cung cấp sẽ cung cấp các bản cập nhật, vá lỗi, vá lỗ hổng bảo mật và tối ưu hóa phần mềm trong quá trình tích hợp cấu phần bản đồ vào Hệ thống Định giá tài sản của BIDV khi có lỗi xảy ra. Đảm bảo việc vận hành, bảo trì, tích hợp không ảnh hưởng đến hệ thống Định giá tài sản của BIDV.			10		8
5.2.3	Nhà cung cấp phải đảm bảo sự ổn định trong việc bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật trên các môi trường Dev/Test/Production.			5		4
5.2.4	Nhà cung cấp thực hiện hỗ trợ kỹ thuật (bao gồm hỗ trợ từ xa hoặc hỗ trợ trực tiếp tại BIDV trong tình huống BIDV yêu cầu) đối với các vấn đề gặp phải khi phát triển, triển khai, tích hợp, vận hành cấu phần bản đồ vào Hệ thống Định giá tài sản của BIDV; Chia sẻ kinh nghiệm từ những đội ngũ kỹ sư, nhân viên có kinh nghiệm và chuyên môn nhằm xử lý các vấn đề, vướng mắc trong phát triển và triển khai.			5		4
5.2.5	Nhà cung cấp bố trí nhân sự có kinh nghiệm và chuyên môn nhằm xử lý các vấn đề, vướng mắc trong phát triển và triển khai, hướng dẫn, đào tạo kỹ thuật từ giai đoạn phát triển đến triển khai, vận hành, tích hợp Hệ thống Định giá tài sản của BIDV.			5		4
5.2.6	Nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu, quy trình chi tiết về phối hợp bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cấp sản phẩm.			5		4
5.2.7	Nhà cung cấp phải xây dựng quy trình chi tiết về phối hợp bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cấp sản phẩm.			5		4

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
5.2.8	Nhà cung cấp phải xây dựng quy trình hỗ trợ kỹ thuật, phân loại và xử lý lỗi chi tiết đối với từng mức độ nghiêm trọng, tối thiểu phải có các mức độ: + Critical: mức độ nghiêm trọng, lỗi môi trường thật khi ứng dụng/container không hoạt động hoặc gặp tình huống thảm họa, không có giải pháp thay thế, ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh. + High: mức độ cao, lỗi gây ảnh hưởng lớn nhưng chưa đến mức ngưng hoàn toàn hệ thống, container, hiệu năng hệ thống suy giảm đáng kể, nhiều chức năng quan trọng bị gián đoạn. + Medium: lỗi gây ảnh hưởng nhưng không quá nghiêm trọng, hệ thống vẫn hoạt động nhưng một số chức năng, dịch vụ bị hạn chế.			5		4
5.2.9	Yêu cầu đối với quy trình xử lý lỗi theo các mức độ nghiêm trọng cần đáp ứng một số tiêu chí cụ thể như sau: + Tiếp nhận yêu cầu 24/7 qua điện thoại hoặc email. (Trường hợp khẩn cấp theo yêu cầu của BIDV, tiếp nhận 24/7 từ thứ Hai đến Chủ nhật, kể cả các ngày lễ) + Thời gian phản hồi và onsite trong vòng 04 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của BIDV. + Thời gian tiếp nhận, xử lý yêu cầu: trong giờ làm việc từ 08 giờ sáng đến 5 giờ chiều từ thứ Hai đến thứ Sáu + Thời gian xử lý sự cố không quá 48 giờ, trong đó riêng các lỗi mức độ Critical và High thời gian xử lý sự cố không quá 2 giờ. + Đối tác có trách nhiệm hiệu chỉnh lỗi hệ thống, xử lý triệt để các phát sinh do sự cố, đảm bảo khôi phục hệ thống hoạt động ổn định theo SLA đã cam kết.			5		4
6	Yêu cầu về đào tạo, chuyển giao kiến thức			28		24

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
6.1	Cung cấp đầy đủ tài liệu chi tiết hướng dẫn phát triển, sử dụng, hướng dẫn cài đặt và các nội dung đào tạo phục vụ cho cán bộ phát triển, cán bộ quản trị có đầy đủ kiến thức và kỹ năng nhằm sử dụng module, triển khai ứng dụng hiệu quả.			7		6
6.2	Cung cấp đầy đủ các tài liệu thiết kế theo yêu cầu BIDV, mô hình kỹ thuật, mô hình triển khai và các tài liệu liên quan đến kỹ thuật.			7		6
6.3	Đào tạo và chuyển giao cho cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ của BIDV, bảo đảm nhân sự BIDV có thể tiếp nhận source code và tự phát triển các tính năng mới trên cơ sở source code của nhà cung cấp, có khả năng tự vận hành các nội dung triển khai đến tính năng bản đồ khi kết thúc thời gian bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật.			6		5
6.4	Đào tạo tối thiểu 2 khóa đào tạo bao gồm các nội dung và hình thức cụ thể như sau: + Đào tạo cho khối phát triển và kiểm thử: giới thiệu công cụ, cấu trúc, cú pháp và tính năng Module, các mô hình phát triển trong Module, cách thức xây dựng, phát triển dịch vụ, các công cụ hỗ trợ, các nội dung tích hợp với các dịch vụ và hệ thống khác, best practices trong quá trình phát triển/triển khai, phương pháp tham số hóa các thành phần thường sử dụng. Các phương pháp kiểm thử dịch vụ, cách thức debugging, tìm lỗi trong mã nguồn, các quy trình quản lý dự án, mã nguồn, cách thức triển khai, tích hợp CI/CD trên các môi trường kiểm thử. + Đào tạo cho khối quản trị vận hành, an ninh bảo mật: quy trình triển khai dịch vụ, quản lý cấu hình và phiên bản dịch vụ, giám sát vận hành hệ thống, xử lý các sự cố và đảm bảo sẵn sàng của hệ thống. + Mỗi khóa đào tạo sẽ có tối thiểu 10 cán bộ offline trong các đơn vị liên quan của BIDV tham gia, yêu cầu cung cấp hình thức tham gia			8		7

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	online với số lượng không giới hạn. + BIDV sẽ chuẩn bị địa điểm đào tạo tại BIDV và thông báo về thời gian đào tạo cho nhà cung cấp; các chi phí phát sinh liên quan đến việc đào tạo do nhà cung cấp chịu trách nhiệm chi trả.					
7	Yêu cầu về bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ			20		20
7.1	Bản quyền các mã nguồn, sản phẩm sau quá trình tư vấn của cấu phần xây dựng thuộc quyền sở hữu của BIDV. Nhà cung cấp cam kết sản phẩm/mã nguồn sau quá trình triển khai được cung cấp cho BIDV không có tranh chấp với bất cứ đơn vị nào, BIDV được toàn quyền sử dụng phát triển, triển khai, chỉnh sửa mà không có bất cứ hạn chế nào.			5		5
7.2	BIDV có quyền chỉnh sửa, thay đổi, sử dụng trong các chương trình/hệ thống do BIDV quyết định.			5		5
7.3	Toàn bộ các công cụ kèm theo hoặc sử dụng trong giải pháp phải có bản quyền và BIDV được quyền sử dụng không phải trả thêm bất cứ chi phí nào.			5		5
7.4	Nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến quyền sử dụng sản phẩm sẽ do đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm.			5		5
8	Yêu cầu về bàn giao			32		28
8.1	Nhà cung cấp bàn giao toàn bộ mã nguồn Module bản đồ và các cấu phần liên quan xây dựng theo yêu cầu của BIDV, các module, thư viện, các thành phần phụ thuộc cần thiết để biên dịch, chạy ứng dụng liên quan (nếu có). Source code đầy đủ các module chức năng như mô tả tại tài liệu này.			10		10
8.2	Mã nguồn phải có khả năng được biên dịch (build) và triển khai (deploy) thành công trên môi trường tích hợp theo yêu cầu của BIDV. Cần cung cấp các tập lệnh (scripts), tệp cấu hình (configuration files) và			6		5

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	hướng dẫn chi tiết quy trình build/deploy.					
8.3	Mã nguồn nên được quản lý trên một hệ thống kiểm soát phiên bản (như Git) và chuyển giao phiên bản ổn định, mới nhất đã được nghiệm thu.			5		4
8.4	Nhà cung cấp phải bàn giao đầy đủ các tài liệu thiết kế, mô hình triển khai, hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn cài đặt, đặc tả dịch vụ... (tham chiếu bảng Danh mục tài liệu/báo cáo cần cung cấp)			6		5
8.5	Nhà cung cấp phải cung cấp đầy đủ các báo cáo về kiểm thử tải, kết quả tuning, tối ưu hóa tham số các cấu phần trong Module, so sánh tải.			5		4
9	Danh mục tài liệu/báo cáo cần cung cấp			10		8
	1. Tài liệu thiết kế (thiết kế tổng thể, thiết kế hệ thống, kiến trúc phần mềm, thiết kế cơ sở dữ liệu (nếu có) + thiết kế chi tiết, mô tả các module, API) đảm bảo các nội dung theo yêu cầu của BIDV : 90 ngày (Tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực) 2. Tài liệu hướng dẫn cài đặt, hướng dẫn cấu hình và triển khai Module: 90 ngày (Tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực) 3. Tài liệu hướng dẫn phát triển dịch vụ, kiểm soát chất lượng cho kỹ thuật, mô tả chi tiết môi trường phát triển, kiểm thử, triển khai, quản trị vận hành, cài đặt, quy trình kiểm tra (hệ điều hành, các phiên bản phần mềm liên quan, cấu hình máy chủ, dịch vụ phụ thuộc...) Nhật ký thay đổi (changelog) ghi lại lịch sử thay đổi, nâng cấp, sửa lỗi trong quá trình phát triển phần mềm: 90 ngày (Tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực) 4. Quy trình bảo hành, bảo trì, nâng cấp sản phẩm, hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố: 90 ngày (Tính từ ngày Hợp			10	- Cung cấp đầy đủ: Tối đa 10 điểm - Không đáp ứng mỗi mục tiêu trong yêu cầu trừ 2,5 điểm	8

STT	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	đồng có hiệu lực) 5. Mã nguồn Module, đặc tả API sử dụng trong Module, các cấu phần dùng chung hoặc xử lý nghiệp vụ đặc thù xây dựng theo yêu cầu BIDV: 90 ngày (Tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực) 6. Báo cáo các nội dung hotfix và hướng dẫn xử lý trong quá trình triển khai (nếu có): 90 ngày (Tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực) 7. Tài liệu các vấn đề hotfix phát sinh trong quá trình triển khai: 90 ngày (Tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực) 8. Tài liệu hướng dẫn sử dụng cho người dùng cuối: 90 ngày (Tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực).					
	Tổng cộng (100%)			1.000		893

Nhà cung cấp phải dẫn chứng tại trang nào, phần nào, mục nào, tài liệu nào của HSDX đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong HSYC chào giá, để bên mời chào giá dễ dàng tham chiếu khi xem xét đánh giá HSDX.

Trường hợp nhà cung cấp không dẫn chứng hoặc có dẫn chứng nhưng thông tin không rõ ràng, không chính xác hoặc thông tin trong HSYC chào giá không được tìm thấy trên các địa chỉ chính thức của hãng sản xuất sản phẩm (như website...) dẫn đến không đủ cơ sở để đánh giá tính đáp ứng kỹ thuật của sản phẩm tham dự gói mua sắm thì HSDX của nhà cung cấp được đánh giá là không đạt.

Nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật (như quy trình bảo hành, quy trình thực hiện Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, catalogue, hướng dẫn sử dụng,...) đối với hàng hoá/dịch vụ/sản phẩm nhà cung cấp chào để chứng minh tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất

Bước 1. Xác định giá đề xuất;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch

Bước 3. Xác định giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xếp hạng nhà cung cấp: HSDX có giá đề xuất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ XUẤT

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

(sau đây gọi là BIDV)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà cung cấp/hoặc Liên danh nhà cung cấp]*, có địa chỉ tại ____ *[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp/địa chỉ đại diện liên danh nhà cung cấp]* cam kết thực hiện gói mua sắm ____ *[Ghi tên gói mua sắm]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền đề xuất]* cùng với bảng giá đề xuất kèm theo. Thời gian thực hiện gói mua sắm là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]*.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi ngày có thời điểm kết thúc nhận HSDX]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà cung cấp là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự⁽¹⁾;

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

6. Trường hợp được lựa chọn, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

7. Nếu HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽²⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) HSYC không được yêu cầu nhà cung cấp phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà cung cấp cam kết trong Đơn này. Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02.

(2) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp / có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đề xuất theo gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/PAMS/PABT*] do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tổ chức:*

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với BIDV trong quá trình tham gia đề xuất, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với BIDV nếu được chỉ định thầu.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*]. ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp
luật của nhà cung cấp, chức danh, ký
tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cùng với đơn đề xuất và chỉ được ủy quyền cho cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền

có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên hoặc các công việc khác liên quan được ủy quyền.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham đề xuất và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

BẢNG GIÁ ĐỀ XUẤT*(Áp dụng với loại hợp đồng trọn gói)***Dịch vụ đề xuất**

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá đề xuất không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan (nếu có)	Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan (nếu có)	Thuế, phí, lệ phí liên quan nếu có	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3)x(7)	(9)	(10) = (8)+(9)
I. Danh mục dịch vụ áp dụng hợp đồng trọn gói									
1	Dịch vụ tư vấn xây dựng cầu phân bản đồ tích hợp Phần mềm định giá tài sản của BIDV (bao gồm dịch vụ bảo hành/hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian 12 tháng) có bàn giao mã nguồn	01	Gói dịch vụ	Trung tâm Định giá tài sản, Trung tâm xử lý và Trung tâm Phát triển phần mềm của BIDV	03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực				I_1
Tổng cộng giá đề xuất của dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)									(I)=(8) + (10)

Ghi chú:

- Cột (1) đến (6): BIDV điền, trong đó dẫn chiếu đến yêu cầu tại Chương IV cho phù hợp.
- Cột (7), (8), (9), (10): Nhà cung cấp chào giá (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí)..

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TIỀN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Bên mời chào giá

TT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà cung cấp đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Bên mời chào giá yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
					Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Bên mời chào giá yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Bên mời chào giá yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dịch vụ tư vấn xây dựng cầu phân bản đồ tích hợp Phần mềm định giá tài sản của BIDV (bao gồm dịch vụ bảo hành/hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian 12 tháng)	Gói dịch vụ	01	Trung tâm Định giá tài sản, Trung tâm xử lý và Trung tâm Phát triển phần mềm của BIDV	01	90	

2	Bàn giao mã nguồn để kiểm tra trước khi tích hợp (BIDV có quyền sở hữu mã nguồn vĩnh viễn không giới hạn số lượng người sử dụng, số lượng môi trường, máy chủ cài đặt)	Bộ mã nguồn	01	Trung tâm Định giá tài sản BIDV, Trung tâm xử lý của BIDV và Trung tâm Phát triển phần mềm	01	30	
---	---	-------------	----	--	----	----	--

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3)(4) (5) (6) (7): Bên mời chào giá điền.

Cột (8): Nhà cung cấp điền;

(*) Hàng hóa/dịch vụ/sản phẩm phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSYC chào giá. Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại. Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSDX của nhà cung cấp sẽ bị loại.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Ngày: _____

Tên gói mua sắm: _____

Tên nhà cung cấp: <i>[ghi tên nhà cung cấp]</i>
Nơi nhà cung cấp đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà cung cấp <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà cung cấp Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà cung cấp.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN ⁽¹⁾*(áp dụng đối với nhà cung cấp thương mại)*Tên nhà cung cấp: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà cung cấp đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Bên mời chào giá:	<i>[ghi tên đầy đủ của Bên mời chào giá trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Bên mời chào giá] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa/dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà cung cấp nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản

chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Bên mời chào giá về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương IV. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu

- Tên PAMS: Dịch vụ tư vấn xây dựng cấu phần bản đồ tích hợp với Phần mềm định giá tài sản của BIDV.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Giới thiệu chung: BIDV đang xây dựng Hệ thống Định giá tài sản có cấu phần Bản đồ được tích hợp vào hệ thống Định giá tài sản. Nhà cung cấp sẽ thực hiện tư vấn xây dựng cấu phần bản đồ cho BIDV có bản giao mã nguồn.

II. Phạm vi, nội dung công việc

TT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị	Mô tả, Ghi chú
1	Dịch vụ tư vấn xây dựng cấu phần bản đồ tích hợp với Phần mềm định giá tài sản của BIDV (bao gồm dịch vụ bảo hành/hỗ trợ kỹ thuật trong thời gian 12 tháng)	01	Gói dịch vụ	Dịch vụ xây dựng cấu phần bản đồ kèm bản giao mã nguồn. BIDV có quyền sở hữu mã nguồn vĩnh viễn không giới hạn số lượng người sử dụng, số lượng môi trường, máy chủ cài đặt

III. Yêu cầu nghiệp vụ:

Sản phẩm bàn giao phải đáp ứng các nội dung sau:

a. Bản đồ giá:

- Là trang mặc định khi truy cập vào ứng dụng Bản đồ giá.
- Thông tin hiển thị:
 - + Bản đồ hiển thị các tài sản đã thẩm định và tài sản so sánh trong hệ thống.
 - + Mỗi tài sản sẽ được thể hiện bằng biểu tượng riêng biệt theo loại tài sản.
 - + Mô tả các trường thông tin bộ lọc khi tra cứu tài sản trên bản đồ giá:
 - Tìm kiếm theo địa chỉ: Tỉnh/thành phố, quận/huyện, phường/xã, đường/phố
 - Tìm kiếm theo tọa độ: Được phép nhập hoặc chọn điểm trên bản đồ.
 - Nguồn thông tin: TSDG/TSSS/Tài sản định giá tại Chi nhánh/Chứng thư TĐG.
 - Loại tài sản: Đất ở/Chung cư/Sàn văn phòng/Nhà xưởng/Tòa nhà.
 - Loại vị trí: VT1, VT2, VT3, VT4, VT5.
 - Thời điểm định giá/Thời điểm thu thập thông tin: từ ngày đến ngày.
 - Bán kính (tính từ vị trí ghim trên bản đồ).
- Chức năng:
 - + Tìm kiếm nhanh: Cho phép người dùng tìm kiếm theo địa chỉ tài sản và tọa độ
 - + Xem thông tin tài sản:

- Bấm vào tài sản hiển thị trên bản đồ để xem thông tin chung.
- Bấm vào chi tiết để dẫn đến thông tin tài sản lưu trong kho giá (đối với bản web).
- Hộp thoại thông tin tài sản sẽ bao gồm một số thông tin như: Mã tài sản, diện tích thửa đất, giá trị bất động sản, đơn giá đã chiết trừ/đơn giá sàn, căn hộ, nguồn thông tin, ngày thu thập.

- Marker hiển thị: Hiển thị theo Nguồn thông tin của tài sản.

b. Lựa chọn tài sản so sánh

- Hệ thống hiển thị bản đồ với những tài sản so sánh có trong kho giá (nằm trong phạm vi bán kính đã lựa chọn tính từ vị trí tài sản thẩm định). Người dùng có thể thay đổi Điều kiện lọc để tìm những tài sản phù hợp (bộ lọc tương tự với chức năng bản đồ giá).
- Người dùng có thể tìm kiếm nhanh theo mã tài sản so sánh/mã kho giá để xem thông tin hoặc bấm trực tiếp vào tài sản so sánh trên bản đồ.
- Hộp thoại thông tin tài sản sẽ bao gồm một số thông tin như: Mã kho giá, mã tài sản, diện tích thửa đất, diện tích căn hộ/sàn, giá trị bất động sản, đơn giá đã chiết trừ/đơn giá sàn, căn hộ, nguồn thông tin, ngày thu thập. Sau khi kiểm tra thông tin, bấm chọn để lựa chọn tài sản đưa vào điều chỉnh.

- Sau khi lựa chọn đủ 3 tài sản so sánh, Bấm chụp bản đồ để chụp vị trí tài sản thẩm định và các tài sản so sánh, hình ảnh này sẽ được lưu để người dùng sử dụng.

c. Xác định vị trí tài sản:

- Chức năng này hiển thị bản đồ với thanh tìm kiếm để người dùng thực hiện nhập địa điểm hoặc tọa độ để xác định vị trí tài sản.
- Bản đồ hỗ trợ các lớp quy hoạch và xem dạng vệ tinh.
- Người dùng có thể xem thông tin chi tiết của vị trí vừa chọn (mang tính chất tham khảo).
- Sau khi đã lựa chọn xong vị trí tài sản, Bấm xác nhận để ghim tọa độ tài sản.

d. Hỗ trợ tra cứu thông tin quy hoạch:

- Mô tả: Là trang mặc định khi truy cập vào ứng dụng bản đồ.
- Thông tin hiển thị:
 - + Lớp bản đồ quy hoạch chi tiết, phủ lên nền bản đồ cơ sở, hiển thị các khu chức năng như: Đất ở, đất công cộng, đất giao thông...
 - + Mỗi khu vực có màu sắc và ký hiệu riêng biệt theo đúng bản đồ quy hoạch do cơ quan chức năng cung cấp.

- Chức năng:

- + Tìm kiếm: Cho phép người dùng tìm kiếm theo địa chỉ, tọa độ...
- + Tra cứu thông tin thửa đất: Sau khi tìm kiếm được vị trí tài sản cần tra cứu thông tin, người dùng click trực tiếp và hệ thống trả kết quả về thông tin thửa đất.

IV. Các yêu cầu về kỹ thuật đối với dịch vụ

1. Mô tả yêu cầu kỹ thuật:

a. Yêu cầu công nghệ sử dụng:

Đối với Module Bản đồ giá, BIDV yêu cầu sử dụng các công nghệ như sau để phù hợp với Framework hiện tại của chương trình định giá tài sản của BIDV:

- Cấu phần Web:

- + Framework: NX, Angular 16.2.12+, TypeScript 5.1.3+
- + Kiến trúc: Micro-frontend
- + Domain: BIDV tự host module trên domain nội bộ
- + SSL: HTTPS bắt buộc
- + Truy cập: Chỉ mạng nội bộ
- + Hỗ trợ tối thiểu các trình duyệt: Chrome 90+, Firefox 88+, Safari 14+, Edge 90+
- + Độ phân giải desktop: Từ màn hình 1366x768 trở lên, hiển thị tốt không tràn ngang tại 1920x1080, 1366x768, 1440x900; layout tự co giãn giữa các kích thước này

- Cấu phần Mobile:

- + Môi trường lập trình: Flutter version tối thiểu 3.35.2
- + Ngôn ngữ: Dart version tối thiểu 3.9.0
- + Kiến trúc:
 - State Management : BLoC (flutter_bloc 9.1.1+)
 - Clean Architecture
 - Navigation Lib: go_router (go_router 16.2.2+ , go_router_builder 4.0.1+, auto_route 11.0.0+)
 - Multi Language Lib: easy_localization: 3.0.3+
- + Cấu hình ứng dụng:
 - Hỗ trợ Android: từ Android 6 trở lên
 - Hỗ trợ iOS: từ iOS 12 trở lên
 - Hỗ trợ và hoạt động tốt cả Smartphone và Tablet ở cả 2 dạng ngang và dọc (Landscape Orientation và Portrait Orientation).
 - Hỗ trợ tối thiểu các trình duyệt: Chrome 90+, Firefox 88+, Safari 14+, Edge 90+
 - Độ phân giải desktop: Từ màn hình 1366x768 trở lên, hiển thị tốt không tràn ngang tại 1920x1080, 1366x768, 1440x900; layout tự co giãn giữa các kích thước này

b. Thiết kế:

- Cấu phần bản đồ phải được xây dựng theo hướng Modules hóa, quy hoạch thành nhiều lớp đảm bảo khả năng tái sử dụng và triển khai độc lập từng cấu phần, phải hỗ trợ triển khai đa nền tảng, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của BIDV đồng thời hỗ trợ tích hợp với các hệ

thông của BIDV theo yêu cầu (tham chiếu mục c. Các tiêu chuẩn kỹ thuật và mục g. Tích hợp hệ thống nội bộ của BIDV).

- Cấu phần bản đồ phải đảm bảo hiệu quả trong việc tối ưu hóa, tăng hiệu suất lập trình, giảm thiểu sự lãng phí tài nguyên, nhà cung cấp trình bày làm rõ vai trò, cách thức sử dụng module trong việc tối ưu hóa, tăng hiệu suất lập trình, giảm thiểu sự lãng phí tài nguyên.
- Nhà cung cấp bàn giao BIDV các tài liệu phân tích thiết kế chi tiết theo các nội dung: Các chức năng, chi tiết input, output của các API, các UI component, cấu trúc các message sử dụng trong thiết kế.

c. Các tiêu chí kỹ thuật:

Module bàn giao khi tích hợp vào phần mềm/chương trình của BIDV đảm bảo tuân thủ kiến trúc Microservice - triển khai trên nền tảng Redhat Openshift.

Module khi bàn giao phải đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu, tiêu chuẩn lập trình sau:

- Front End:
 - + Thiết kế Component:
 - Nguyên tắc "Single Responsibility": Mỗi component chỉ đảm nhận một chức năng duy nhất, tránh làm quá nhiều việc trong cùng một nơi.
 - Smart và Dumb Components:
 - Smart Components (container) xử lý logic, gọi API, quản lý state.
 - Dumb Components (presentational) chỉ nhận dữ liệu qua props và hiển thị giao diện.
 - Tái sử dụng (Reusability): Thiết kế component theo hướng tổng quát để có thể dùng lại trong nhiều màn hình khác nhau.
 - + Thiết kế Service:
 - Single Responsibility: Mỗi service chỉ nên quản lý một nhóm chức năng hoặc một domain, giúp dễ bảo trì và mở rộng.
 - Dependency Injection: Sử dụng DI đúng cách để giảm phụ thuộc cứng giữa các lớp, tăng khả năng test và thay thế.
- Tiêu chuẩn API: các API đảm bảo sử dụng
 - + HTTPS
 - + Áp dụng mTLS
 - + Payload: cấu trúc JSON
 - + Giao tiếp: Hỗ trợ postMessage API
 - + API Url phải theo quy định về format API Url có dạng như sau:
 - + `{{LDH_URL}}/collateralvalue-service/v(1,2,3,...)/(tên module)/(chức năng)?(xxx)=(giá trị xxx)`
 - + Thời gian chờ phản hồi API:

- + Timeout: 5 seconds cho mọi request
- + Retry: Tối đa 3 lần retry
- + Fallback: Show error message nếu timeout
- Đảm bảo các ứng dụng tại BIDV có thể dùng IFrame để sử dụng Module bản đồ giá.

d. Quy định viết code:

- Đặt tên biến, phương thức và lớp:
 - + Sử dụng camelCase cho tên biến và phương thức (ví dụ: myVariable, calculateTotal()). Không dùng dấu gạch dưới trong tên hàm và phương thức
 - + Sử dụng PascalCase cho tên lớp (ví dụ: MyClass)
- Chú thích mã nguồn:
 - + Sử dụng chú thích để giải thích mã nguồn.
 - + Sử dụng chú thích để mô tả các hàm, lớp và biến.
- Tuân thủ nguyên tắc SOLID:
 - + Đảm bảo mã nguồn tuân thủ các nguyên tắc thiết kế SOLID (Single Responsibility, Open/Closed, Liskov Substitution, Interface Segregation, Dependency Inversion).
- Kiểm tra và sửa lỗi: Sử dụng công cụ kiểm tra mã nguồn như Dart Analyzer hoặc các công cụ tương tự để phát hiện và sửa lỗi mã nguồn.
- Sử dụng chữ in hoa và dấu gạch dưới để phân tách các từ trong hằng số, tên mô tả rõ ràng mục đích của hằng số.
- Tên biến list phải có hậu tố List, tên biến map phải có hậu tố Map, tên biến array phải có hậu tố Array, tên biến set phải có hậu tố Set.
- Đáp ứng các quy chuẩn đã được định nghĩa của ngôn ngữ Dart và tuân thủ theo tiêu chuẩn Effective Dart sau: <https://dart.dev/effective-dart>

e. Yêu cầu về hiệu năng:

Các yêu cầu về hiệu năng của Module sẽ được BIDV review, đánh giá lại và xác nhận nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu của BIDV.

- Tốc độ Render: Ứng dụng cần render UI một cách nhanh chóng (tốc độ phản hồi < 1 giây) để đảm bảo trải nghiệm người dùng mượt mà.
- Yêu cầu API tích hợp chịu tải tối thiểu: 20 TPS.

f. Các yêu cầu về bảo mật:

- Yêu cầu chung: Sản phẩm kết quả trước khi bàn giao cho BIDV sẽ được nhà cung cấp đánh giá bảo mật của Bên thứ ba (được phép cung cấp dịch vụ an toàn thông tin) trước khi triển khai chính thức. Toàn bộ chi phí thuê đánh giá bảo mật do nhà cung cấp chi trả.
- Đảm bảo tất cả giá trị đầu vào phải được kiểm tra, không xảy ra các lỗ hổng Injection có thể khai thác từ phía máy khách (client-side). Nhà cung cấp có thể chứng minh bằng nhiều cách khác nhau, từ việc dùng mã nguồn, hoặc pentest report hoặc kết quả Input scan

- Yêu cầu về bảo mật dữ liệu: Để hạn chế thất thoát dữ liệu, nhà cung cấp thực hiện hoặc cam kết thực hiện việc mã hóa/masking thông tin nhạy cảm và thông tin cá nhân, xóa bỏ dữ liệu ngay sau khi xử lý/định kỳ xóa bỏ dữ liệu. Các biện pháp mã hóa sử dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mã hóa dữ liệu sử dụng trong lĩnh vực ngân hàng (QCVN 4:2016/BQP) hoặc tuân thủ theo khuyến nghị của các bộ tiêu chuẩn quốc tế đã được công nhận (Ví dụ: FIPS 140- 2, NIST 800-107, OWASP, PCI-DSS, GDPR,...).
- Đảm bảo mã nguồn (source code) không chứa secret (API key, password, token, cert, SSH,...). Đảm bảo mã nguồn không tồn tại các điểm yếu, lỗ hổng bảo mật đã được công bố (CWE/CVE) liên quan đến lập trình an toàn.
- Yêu cầu các công nghệ (Framework, Thư viện, ...) được sử dụng là các phiên bản không tồn tại lỗ hổng/điểm yếu bảo mật đã được công bố với Mức độ nghiêm trọng Trung bình trở lên (Cao, Nghiêm trọng).
- Nhà cung cấp cam kết các bảo mật thông tin cá nhân và dữ liệu của người dùng và các tài sản được định giá.
- Nhà cung cấp cam kết đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin dữ liệu địa chính và tài sản.

g. Tích hợp hệ thống nội bộ của BIDV:

- Cấu phần bản đồ phải tích hợp với các hệ thống quản lý nội bộ của BIDV (log tập trung, tích hợp các hệ thống nội bộ của BIDV thông qua OpenAPI) theo các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy định hiện hành của BIDV và xây dựng thành các cấu phần dùng chung, cụ thể:
 - + Tích hợp hệ thống log tập trung của BIDV bằng cách đẩy các log hệ thống vào Kafka queue.
 - + Tích hợp các hệ thống nội bộ của BIDV thông qua OpenAPI sử dụng authentication /authorization qua hệ thống quản lý tập trung và cấp quyền qua JWT Token, lưu trữ các public key để giải mã và xác thực quyền truy cập, ủy quyền.

2. Yêu cầu về triển khai:

Nhà cung cấp cần thực hiện các nội dung sau:

- Cung cấp tài liệu về phương án triển khai, các phương án dự phòng, chi tiết kế hoạch triển khai, yêu cầu chi tiết về tài nguyên đối với từng môi trường.
- Thực hiện test và cung cấp tài liệu về quy trình kiểm thử từ test case, kết quả test, báo cáo tổng hợp kết quả test.
- Tài liệu hóa các lưu ý, các vấn đề hotfix phát sinh trong quá trình triển khai.
- Hướng dẫn, đào tạo kỹ thuật từ giai đoạn phát triển đến triển khai, vận hành bao gồm cả các lỗi có thể phát sinh.
- Cung cấp nhân sự hỗ trợ (bao gồm cả từ xa và tại BIDV) trong quá trình triển khai và tích hợp hệ thống các môi trường Dev/Production. Bao gồm cả các nội dung cài đặt, cấu hình, kiểm tra các thành phần và các nội dung cập nhật bản vá, tuning, tối ưu cấu hình, cài đặt vv... sau bán hàng.

- Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

3. Yêu cầu về bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật:

Thời gian bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật: 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, bao gồm tối thiểu các công việc sau:

- Hỗ trợ cài đặt, tích hợp với hệ thống Định giá tài sản của BIDV và chỉnh sửa các lỗi liên quan đến quá trình sử dụng, tích hợp.

- Nhà cung cấp sẽ cung cấp các bản cập nhật, vá lỗi, vá lỗ hổng bảo mật và tối ưu hóa phần mềm trong quá trình tích hợp cấu phần bản đồ vào Hệ thống Định giá tài sản của BIDV khi có lỗi xảy ra. Đảm bảo việc vận hành, bảo trì, tích hợp không ảnh hưởng đến hệ thống Định giá tài sản của BIDV.

- Nhà cung cấp phải đảm bảo sự ổn định trong việc bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật trên các môi trường Dev/Test/Production.

- Nhà cung cấp thực hiện hỗ trợ kỹ thuật (bao gồm hỗ trợ từ xa hoặc hỗ trợ trực tiếp tại BIDV trong tình huống BIDV yêu cầu) đối với các vấn đề gặp phải khi phát triển, triển khai, tích hợp, vận hành cấu phần bản đồ vào Hệ thống Định giá tài sản của BIDV; Chia sẻ kinh nghiệm từ những đội ngũ kỹ sư, nhân viên có kinh nghiệm và chuyên môn nhằm xử lý các vấn đề, vướng mắc trong phát triển và triển khai.

- Nhà cung cấp bố trí nhân sự có kinh nghiệm và chuyên môn nhằm xử lý các vấn đề, vướng mắc trong phát triển và triển khai, hướng dẫn, đào tạo kỹ thuật từ giai đoạn phát triển đến triển khai, vận hành, tích hợp Hệ thống Định giá tài sản của BIDV.

- Nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu, quy trình chi tiết về phối hợp bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cấp sản phẩm.

- Nhà cung cấp phải xây dựng quy trình chi tiết về phối hợp bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cấp sản phẩm.

- Nhà cung cấp phải xây dựng quy trình hỗ trợ kỹ thuật, phân loại và xử lý lỗi chi tiết đối với từng mức độ nghiêm trọng, tối thiểu phải có các mức độ:

- + Critical: mức độ nghiêm trọng, lỗi môi trường thật khi ứng dụng/container không hoạt động hoặc gặp tình huống thảm họa, không có giải pháp thay thế, ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh.
- + High: mức độ cao, lỗi gây ảnh hưởng lớn nhưng chưa đến mức ngưng hoàn toàn hệ thống, container, hiệu năng hệ thống suy giảm đáng kể, nhiều chức năng quan trọng bị gián đoạn.
- + Medium: lỗi gây ảnh hưởng nhưng không quá nghiêm trọng, hệ thống vẫn hoạt động nhưng một số chức năng, dịch vụ bị hạn chế.

- Yêu cầu đối với quy trình xử lý lỗi theo các mức độ nghiêm trọng cần đáp ứng một số tiêu chí cụ thể như sau:

- + Tiếp nhận yêu cầu 24/7 qua điện thoại hoặc email. (Trường hợp khẩn cấp theo yêu cầu của BIDV, tiếp nhận 24/7 từ thứ Hai đến Chủ nhật, kể cả các ngày lễ)

- + Thời gian phản hồi và onsite trong vòng 04 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của BIDV.
- + Thời gian tiếp nhận, xử lý yêu cầu: trong giờ làm việc từ 08 giờ sáng đến 5 giờ chiều từ thứ Hai đến thứ Sáu
- + Thời gian xử lý sự cố không quá 48 giờ, trong đó riêng các lỗi mức độ Critical và High thời gian xử lý sự cố không quá 2 giờ.
- + Đối tác có trách nhiệm hiệu chỉnh lỗi hệ thống, xử lý triệt để các phát sinh do sự cố, đảm bảo khôi phục hệ thống hoạt động ổn định theo SLA đã cam kết.

4. Yêu cầu về đào tạo, chuyển giao kiến thức:

Nhà cung cấp cần thực hiện các nội dung sau:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu chi tiết hướng dẫn phát triển, sử dụng, hướng dẫn cài đặt và các nội dung đào tạo phục vụ cho cán bộ phát triển, cán bộ quản trị có đầy đủ kiến thức và kỹ năng nhằm sử dụng module, triển khai ứng dụng hiệu quả.
- Cung cấp đầy đủ các tài liệu thiết kế theo yêu cầu BIDV, mô hình kỹ thuật, mô hình triển khai và các tài liệu liên quan đến kỹ thuật.
- Đào tạo và chuyển giao cho cán bộ kỹ thuật và nghiệp vụ của BIDV, bảo đảm nhân sự BIDV có thể tiếp nhận source code và tự phát triển các tính năng mới trên cơ sở source code của nhà cung cấp, có khả năng tự vận hành các nội dung triển khai đến tính năng bản đồ khi kết thúc thời gian bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật,
- Đào tạo tối thiểu 2 khóa đào tạo bao gồm các nội dung và hình thức cụ thể như sau:
 - + Đào tạo cho khối phát triển và kiểm thử: giới thiệu công cụ, cấu trúc, cú pháp và tính năng Module, các mô hình phát triển trong Module, cách thức xây dựng, phát triển dịch vụ, các công cụ hỗ trợ, các nội dung tích hợp với các dịch vụ và hệ thống khác, best practices trong quá trình phát triển/triển khai, phương pháp tham số hóa các thành phần thường sử dụng. Các phương pháp kiểm thử dịch vụ, cách thức debugging, tìm lỗi trong mã nguồn, các quy trình quản lý dự án, mã nguồn, cách thức triển khai, tích hợp CI/CD trên các môi trường kiểm thử.
 - + Đào tạo cho khối quản trị vận hành, an ninh bảo mật: quy trình triển khai dịch vụ, quản lý cấu hình và phiên bản dịch vụ, giám sát vận hành hệ thống, xử lý các sự cố và đảm bảo sẵn sàng của hệ thống.
 - + Mỗi khóa đào tạo sẽ có tối thiểu 10 cán bộ offline trong các đơn vị liên quan của BIDV tham gia, yêu cầu cung cấp hình thức tham gia online với số lượng không giới hạn.
 - + BIDV sẽ chuẩn bị địa điểm đào tạo tại BIDV và thông báo về thời gian đào tạo cho nhà cung cấp; các chi phí phát sinh liên quan đến việc đào tạo do nhà cung cấp chịu trách nhiệm chi trả.

V. Yêu cầu về bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ:

- Bản quyền các mã nguồn, sản phẩm sau quá trình tư vấn của cấu phần xây dựng thuộc quyền sở hữu của BIDV. Nhà cung cấp cam kết sản phẩm/mã nguồn sau quá trình triển khai

được cung cấp cho BIDV không có tranh chấp với bất cứ đơn vị nào, BIDV được toàn quyền sử dụng phát triển, triển khai, chỉnh sửa mà không có bất cứ hạn chế nào.

- BIDV có quyền chỉnh sửa, thay đổi, sử dụng trong các chương trình/hệ thống do BIDV quyết định.

- Toàn bộ các công cụ kèm theo hoặc sử dụng trong giải pháp phải có bản quyền và BIDV được quyền sử dụng không phải trả thêm bất cứ chi phí nào.

- Nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến quyền sử dụng sản phẩm sẽ do đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm.

VI. Các yêu cầu khác về kỹ thuật và bàn giao:

- Nhà cung cấp bàn giao toàn bộ mã nguồn Module bản đồ và các cấu phần liên quan xây dựng theo yêu cầu của BIDV, các module, thư viện, các thành phần phụ thuộc cần thiết để biên dịch, chạy ứng dụng liên quan (nếu có). Source code đầy đủ các module chức năng như mô tả tại tài liệu này.

- Mã nguồn phải có khả năng được biên dịch (build) và triển khai (deploy) thành công trên môi trường tích hợp theo yêu cầu của BIDV. Cần cung cấp các tập lệnh (scripts), tệp cấu hình (configuration files) và hướng dẫn chi tiết quy trình build/deploy.

- Mã nguồn nên được quản lý trên một hệ thống kiểm soát phiên bản (như Git) và chuyển giao phiên bản ổn định, mới nhất đã được nghiệm thu.

- Nhà cung cấp phải bàn giao đầy đủ các tài liệu thiết kế, mô hình triển khai, hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn cài đặt, đặc tả dịch vụ... (tham chiếu bảng Danh mục tài liệu/báo cáo cần cung cấp)

- Nhà cung cấp phải cung cấp đầy đủ các báo cáo về kiểm thử tải, kết quả tuning, tối ưu hóa tham số các cấu phần trong Module, so sánh tải với hệ thống cũ.

Danh mục tài liệu/báo cáo và tiến độ bàn giao:

STT	Tài liệu/Báo cáo	Thời điểm thực hiện (Tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực)
1	Tài liệu thiết kế (thiết kế tổng thể, thiết kế hệ thống, kiến trúc phần mềm, thiết kế cơ sở dữ liệu (nếu có) + thiết kế chi tiết, mô tả các module, API) đảm bảo các nội dung theo yêu cầu của BIDV	90 ngày
2	Tài liệu hướng dẫn cài đặt, hướng dẫn cấu hình và triển khai Module	90 ngày

3	Tài liệu hướng dẫn phát triển dịch vụ, kiểm soát chất lượng cho kỹ thuật, mô tả chi tiết môi trường phát triển, kiểm thử, triển khai, quản trị vận hành, cài đặt, quy trình kiểm tra (hệ điều hành, các phiên bản phần mềm liên quan, cấu hình máy chủ, dịch vụ phụ thuộc...) Nhật ký thay đổi (changelog) ghi lại lịch sử thay đổi, nâng cấp, sửa lỗi trong quá trình phát triển phần mềm	90 ngày
4	Quy trình bảo hành, bảo trì, nâng cấp sản phẩm, hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố	90 ngày
5	Mã nguồn Module, đặc tả API sử dụng trong Module, các cấu phần dùng chung hoặc xử lý nghiệp vụ đặc thù xây dựng theo yêu cầu BIDV.	90 ngày
6	Báo cáo các nội dung hotfix và hướng dẫn xử lý trong quá trình triển khai (nếu có)	90 ngày
7	Tài liệu các vấn đề hotfix phát sinh trong quá trình triển khai	90 ngày
8	Tài liệu hướng dẫn sử dụng cho người dùng cuối.	90 ngày

VII. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà cung cấp:

1. Yêu cầu về kinh nghiệm và năng lực của nhà cung cấp:

- Đã triển khai tối thiểu 2 hợp đồng có nội dung về bản đồ giá, tích hợp thông tin quy hoạch cho các tổ chức tại Việt Nam trong thời gian 5 năm trở lại đây.

- Uy tín của nhà cung cấp: trong vòng 3 năm gần đây, nhà cung cấp cam kết không có hợp đồng bị chủ đầu tư kết luận là không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp.

2. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/ trình độ chuyên môn
1	Quản trị dự án và đảm bảo chất lượng	01	Tối thiểu 03 năm kinh nghiệm Quản lý dự án/phần mềm CNTT	Trình độ từ Đại học trở lên chuyên ngành CNTT/ Điện tử viễn thông
2	Trưởng nhóm kỹ thuật	01	Tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trưởng nhóm kỹ thuật dự án/phần mềm CNTT có nội dung về bản đồ giá	Trình độ từ Đại học trở lên chuyên ngành CNTT hoặc Điện tử viễn thông
3	Phân tích thiết kế hệ thống	01	Tối thiểu 01 năm kinh nghiệm tại vị trí phân tích thiết kế hệ thống CNTT Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm tham gia phần mềm CNTT có nội dung về bản đồ giá	Trình độ từ Đại học trở lên chuyên ngành CNTT hoặc Điện tử viễn thông

4	Cán bộ kỹ thuật	07	Tối thiểu 7 lập trình viên có ít nhất 01 năm kinh nghiệm tham gia dự án hoặc phần mềm có nội dung về bản đồ giá	Trình độ từ Cao đẳng trở lên chuyên ngành CNTT/ Điện tử viễn thông
---	-----------------	----	---	--

VIII. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Để hỗ trợ Nhà cung cấp dịch vụ tư vấn thực hiện nhiệm vụ, Chủ đầu tư có các trách nhiệm sau:

- Chủ đầu tư hỗ trợ bố trí địa điểm làm việc và cán bộ tham gia phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo các trang thiết bị cần thiết để Nhà cung cấp thực hiện công việc hiệu quả.

- Sẵn sàng cử cán bộ kỹ thuật để hỗ trợ/ thực hiện theo hướng dẫn của Nhà cung cấp về việc cài đặt, thiết lập, cập nhật hệ thống.

- Sẵn sàng giải đáp, phản hồi nhanh chóng các yêu cầu phát sinh từ Nhà cung cấp liên quan tới trực tích hợp trong việc chỉnh sửa, nâng cấp.

Sẵn sàng cung cấp các tài liệu hiện tại của hệ thống (đảm bảo tuân thủ các quy định bảo mật của BIDV) cung cấp đủ thông tin cần thiết cho Nhà cung cấp có thể thực hiện công việc nâng cấp, chỉnh sửa hệ thống một cách hiệu quả.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “BIDV” là tổ chức được quy định tại Điều kiện cụ thể của hợp đồng (ĐKCT). 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận bằng văn bản giữa BIDV và Nhà cung cấp, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và các tài liệu kèm theo. 1.3. “Nhà cung cấp” là nhà cung cấp được lựa chọn (là nhà cung cấp độc lập). 1.4. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng. 1.5. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa BIDV và nhà cung cấp, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ đề xuất. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 1.6. “Ngày” là ngày dương lịch; “Năm” là 365 ngày. 1.7. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà cung cấp thực hiện theo Hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu; 1.8. “Hàng hóa/sản phẩm liên quan” bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; phần mềm thương mại. 1.9 “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như dịch vụ triển khai, lắp đặt, duy tu, bảo trì sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...; 1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà cung cấp hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại hợp đồng. 1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT. 1.12. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;

	b) ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng; d) ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp; g) Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ HSDX (nếu có) của Nhà cung cấp; h) Hồ sơ yêu cầu chào giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ Hồ sơ yêu cầu chào giá (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT. 2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng bao gồm: a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên BIDV không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của BIDV đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói mua sắm;

	b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được BIDV chấp thuận. 5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT. 5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho BIDV để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà cung cấp không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng. 5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
6. Giải quyết tranh chấp	6.1. BIDV và Nhà cung cấp có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 6.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
7. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa/dịch vụ/sản phẩm đề xuất phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV.
8. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ đề xuất (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ đề xuất (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Chương IV. Nhà cung cấp phải cung cấp các hóa đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT.
9. Trách nhiệm của Nhà cung cấp	Nhà cung cấp phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ đề xuất (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ đề xuất quy định tại Mục 8 ĐKC.
10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	10.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại ĐKCT. 10.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ đề xuất của gói mua sắm nêu trong

	Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói mua sắm.
11. Thuế, phí, lệ phí	11.1. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho BIDV. 11.2. Trường hợp Nhà cung cấp thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, BIDV tạo điều kiện tối đa cho Nhà cung cấp áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 11.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.
12. Tạm ứng	12.1. BIDV phải cấp cho Nhà cung cấp khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà cung cấp nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. 12.2. Nhà cung cấp chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà cung cấp phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho BIDV.
13. Thanh toán	13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà cung cấp phải được gửi cho BIDV bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ đề xuất đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 8 ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. 13.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. 13.3. Đồng tiền thanh toán là VND.
14. Quyền tác giả	Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà cung cấp đã nộp cho BIDV vẫn thuộc về Nhà cung cấp. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho BIDV một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà cung cấp bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.
15. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	15.1. BIDV và Nhà cung cấp phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà cung cấp có thể

	chuyên cho nhà cung cấp phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do BIDV cung cấp để nhà cung cấp phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà cung cấp phụ phải có cam kết với Nhà cung cấp về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 15.2. BIDV không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà cung cấp cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà cung cấp không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ BIDV cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 15.3. Nghĩa vụ của BIDV và Nhà cung cấp quy định tại Mục 15.1 và Mục 15.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà BIDV hoặc Nhà cung cấp cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của BIDV hoặc Nhà cung cấp; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 15.4. Các quy định tại Mục 15 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ. 15.5. Các quy định tại Mục 15 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
16. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ đề xuất được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương IV; nếu tại Chương IV không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
17. Đóng gói hàng hóa	17.1. Nhà cung cấp phải đóng gói hàng hóa/dịch vụ đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa/dịch vụ phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời.

	Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án. 17.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở ĐKCT và các chỉ dẫn khác của BIDV.
18. Bảo hiểm	Trừ trường hợp có quy định khác tại ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại ĐKCT.
19. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	19.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT. 19.2. BIDV có thể yêu cầu Nhà cung cấp cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại ĐKCT: a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa; b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa; c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa; d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà cung cấp khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này; đ) Hướng dẫn nhân sự của BIDV về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. 19.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, BIDV và Nhà cung cấp thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà cung cấp áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.
20. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	20.1. Nhà cung cấp phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ đề xuất theo quy định tại ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra. 20.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà cung cấp hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm

dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại ĐKCT. Theo quy định tại Mục 20.3 ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà cung cấp hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; BIDV không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này.

20.3. BIDV hoặc đại diện của BIDV có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 20.2 ĐKC, với điều kiện là BIDV chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú.

20.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà cung cấp phải thông báo cho BIDV về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để BIDV tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà cung cấp phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.

20.5. BIDV có thể yêu cầu Nhà cung cấp tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà cung cấp theo hợp đồng, BIDV xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ đề xuất và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.

20.6. Nhà cung cấp phải gửi cho BIDV báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.

20.7. Nhà cung cấp phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà cung cấp phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho BIDV theo quy định tại Mục 20.4 ĐKC.

20.8. Việc Nhà cung cấp thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc BIDV hay đại diện của BIDV tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 20.6 ĐKC, không miễn trừ cho Nhà cung cấp nghĩa vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

21. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại ĐKCT.
22. Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật	22.1. Nhà cung cấp bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu. 22.2. Nhà cung cấp bảo đảm hàng hóa/dịch vụ không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà cung cấp hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam. 22.3. Yêu cầu về bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật và địa điểm bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật quy định tại ĐKCT. 22.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa/dịch vụ/sản phẩm bàn giao, BIDV kịp thời thông báo cho Nhà cung cấp, kèm theo tài liệu chứng minh. BIDV tạo điều kiện cho Nhà cung cấp tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó. 22.5. Sau khi nhận được thông báo của BIDV về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà cung cấp phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế. 22.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà cung cấp không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại ĐKCT, BIDV có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà cung cấp phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc BIDV tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của BIDV đối với Nhà cung cấp theo hợp đồng.
23. Bồi thường vi phạm sáng chế	23.1. Với điều kiện là BIDV tuân thủ Mục 23.2 ĐKC, Nhà cung cấp có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm BIDV và nhân sự của BIDV không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới: a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà cung cấp thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam; b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.

Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà cung cấp cung cấp theo hợp đồng.

23.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với BIDV liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 23.1 ĐKC, BIDV có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà cung cấp. Nhà cung cấp có thể nhân danh BIDV giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.

23.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của BIDV, trường hợp Nhà cung cấp không thông báo cho BIDV về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, BIDV sẽ tự giải quyết.

23.4. Trường hợp được yêu cầu, BIDV hỗ trợ Nhà cung cấp giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà cung cấp hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.

23.5. BIDV có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà cung cấp, nhà cung cấp phụ, nhân sự của Nhà cung cấp không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi BIDV hoặc thay mặt BIDV.

24. Thay đổi liên quan đến pháp lý

Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà cung cấp khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh

	toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 10 ĐKC.
25. Bất khả kháng	25.1. Nhà cung cấp không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 25.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 25.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 25.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà cung cấp bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 25.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

26. Sửa đổi hợp đồng

26.1. BIDV có thể yêu cầu Nhà cung cấp sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:

- a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng BIDV;
- b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- c) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- d) Thay đổi dịch vụ đề xuất.
- đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 27 ĐKC.

26.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 26.1 ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ đề xuất phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà cung cấp về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà cung cấp nhận được yêu cầu của BIDV về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

26.3. Trường hợp Nhà cung cấp cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà cung cấp đề xuất trong HSĐX và đáp ứng yêu cầu Hồ sơ yêu cầu chào giá thì Nhà cung cấp phải thông báo trước bằng văn bản cho BIDV để BIDV xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, BIDV có thể chấp thuận đề xuất của Nhà cung cấp với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

26.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ đề xuất chưa nêu trong hợp đồng, BIDV và Nhà cung cấp tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường.

26.5. BIDV và Nhà cung cấp sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.

26.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà cung cấp có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

- a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;

	b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho BIDV trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà cung cấp; c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. 26.7. BIDV có thể chấp thuận đề xuất của Nhà cung cấp nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa: a) Rút ngắn thời gian giao hàng; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho BIDV; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho BIDV. Trường hợp đề xuất của Nhà cung cấp được BIDV chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, BIDV thanh toán cho Nhà cung cấp theo tỷ lệ quy định tại ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà cung cấp được BIDV chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, BIDV thanh toán cho Nhà cung cấp theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	27.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà cung cấp hoặc nhà cung cấp phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ đề xuất quy định tại Mục 8 ĐKC, Nhà cung cấp phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho BIDV về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà cung cấp, BIDV phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp BIDV đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng. 27.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 25 ĐKC, Nhà cung cấp giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ đề xuất chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho BIDV theo quy định tại Mục 21 ĐKC.
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm a) BIDV có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng

	cách thông báo bằng văn bản cho Nhà cung cấp về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà cung cấp không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 27 ĐKC; (ii) Nhà cung cấp không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng; b) Trường hợp BIDV chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, BIDV có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ đề xuất tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm bồi thường cho BIDV các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà cung cấp vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt. 28.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà cung cấp phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, BIDV có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà cung cấp. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà cung cấp không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của BIDV trước đó hoặc sau đó.
29. Hạn chế xuất khẩu	Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà cung cấp trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà cung cấp không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà cung cấp cung cấp cho BIDV các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, BIDV có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà cung cấp.

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ ĐKCT phải được BIDV ghi đầy đủ trước khi phát hành hồ sơ yêu cầu chào giá.

ĐKC 1.1	BIDV:___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của BIDV và đại diện ủy quyền (nếu có)].
ĐKC 1.2	Nhà cung cấp:___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà cung cấp].
ĐKC 1.3	Địa điểm thực hiện: Trung tâm Định giá tài sản, Trung tâm xử lý, Trung tâm Phát triển phần mềm của Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam.
ĐKC 2	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
ĐKC 4	Các thông báo cần gửi về BIDV theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Trung tâm Định giá tài sản BIDV. - Địa chỉ: Tầng 4 - Tòa nhà 263 đường Cầu Giấy - Phường Cầu Giấy - Hà Nội - Điện thoại: (024) 32013467 - Địa chỉ email: ttdgts@bidv.com.vn
ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tối đa 30 ngày kể từ khi Nhà cung cấp hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng.
ĐKC 6	Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 30 ngày kể từ ngày phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp liên quan đến Hợp đồng. Giải quyết tranh chấp: Tối đa 30 ngày kể từ ngày phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp liên quan đến Hợp đồng. Nếu các bên không thể giải quyết tranh chấp hoặc bất đồng thông qua thỏa thuận, thương lượng hoặc hòa giải, thì bất kỳ bên nào cũng có quyền yêu cầu đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội. Án phí và các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp do bên thua kiện chịu.
ĐKC 8	Nhà cung cấp phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: Cung cấp tài liệu bàn giao theo mô tả tại Chương IV BIDV phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi xác nhận nghiệm thu dịch vụ, nếu không Nhà cung cấp sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.
ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định
ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong

	hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà cung cấp xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 12	Tạm ứng: Không áp dụng.
ĐKC 13	- Phương thức thanh toán: Theo phương thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam (VND). - Nguyên tắc thanh toán: Thanh toán 1 lần 100% giá trị hợp đồng, trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm: + Đề nghị thanh toán của nhà cung cấp; + Hóa đơn tài chính hợp lệ cho số tiền thanh toán; + Biên bản bàn giao dịch vụ/sản phẩm + Biên bản nghiệm thu hợp đồng
ĐKC 17	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Thực hiện theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
ĐKC 18	Nội dung bảo hiểm: Hàng hóa/sản phẩm (nếu có) phải được bảo hiểm đầy đủ cho đến khi hoàn tất việc giao nhận.
ĐKC 19.1	Trách nhiệm vận chuyển: Theo hợp đồng, Nhà cung cấp phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà cung cấp thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
ĐKC 19.2	Các dịch vụ bao gồm: Dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật trong tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hợp đồng
ĐKC 20.1	Kiểm tra, thử nghiệm: Kiểm tra xác nhận yêu cầu dịch vụ từng nội dung: - Thời gian thực hiện: Ngay sau khi hoàn thành việc bàn giao mã nguồn/tích hợp/cài đặt/chuyển đổi/ triển khai/kết nối với hệ thống Định giá tài sản của BIDV - Phương thức thực hiện: BIDV đánh giá tính phù hợp yêu cầu. Nghiệm thu: - Thời gian thực hiện: Không quá 10 ngày sau khi hoàn thành tích hợp với Hệ thống Định giá tài sản của BIDV. - Phương thức thực hiện: BIDV và nhà cung cấp đối chiếu, xác nhận Biên bản nghiệm thu hợp đồng
ĐKC 20.2	Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm được thực hiện tại Trung tâm Định giá tài sản BIDV, Trung tâm Phát triển phần mềm của BIDV, Trung tâm xử lý của BIDV

ĐKC 21	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, nếu Nhà cung cấp không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ đề xuất theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì BIDV có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/tuần đối với phần công việc chậm tiến độ, tính cho đến khi phần công việc đó được thực hiện. BIDV sẽ khấu trừ đến 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Khi mức phạt đã đạt tối đa, BIDV có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Trong trường hợp Nhà cung cấp vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm theo Hợp đồng này, Nhà cung cấp phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho BIDV.
ĐKC 22.3	- Thời hạn bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật: 12 tháng kể từ thời điểm ký biên bản nghiệm thu hợp đồng. - Địa điểm áp dụng bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật: Trung tâm Định giá tài sản, Trung tâm xử lý, Trung tâm Phát triển phần mềm của Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam.
ĐKC 22.5	Thời hạn khắc phục, sửa chữa, hoàn thiện dịch vụ/sản phẩm là: 10 ngày.
ĐKC 26.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được BIDV chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, BIDV thanh toán cho Nhà cung cấp 0% giá trị phần giảm giá hợp đồng.

Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG HỢP ĐỒNG

____, Ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Thuộc PAMS:

Căn cứ pháp lý:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp cho gói mua sắm ____;
- Căn cứ Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng số ____, ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời chào giá
- Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời chào giá và Nhà cung cấp được lựa chọn ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký kết hợp đồng, gồm có:

Đại diện Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi là Bên A)

- Tên đơn vị đầu mối/Ban QLDA: _____
- Địa chỉ: _____
- Điện thoại: _____ Fax: _____
- E-mail: _____
- Tài khoản: _____
- Mã số thuế: _____
- Đại diện là ông/bà: _____
- Chức vụ: _____

Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B):

- Tên nhà cung cấp: [ghi tên đầy đủ]
- Địa chỉ: [ghi địa chỉ]
- Điện thoại: [ghi số]
- Fax: [ghi số nếu có]
- Email: [ghi địa chỉ email]
- Tài khoản: [ghi số tài khoản]
- Mã số thuế: [ghi MST]
- Đại diện: Ông/bà [ghi họ tên]
- Chức vụ: [ghi chức danh]
- Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền)

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa/dịch vụ/sản phẩm được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. ĐKCT của hợp đồng;
5. ĐKC của hợp đồng;
6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà cung cấp được lựa chọn (nếu có);
7. HSYC chào giá và các tài liệu sửa đổi HSYC chào giá (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này, theo phương thức được quy định tại Điều kiện cụ thể của Hợp đồng. Đồng thời, Bên A cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Điều kiện chung và Điều kiện cụ thể của Hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và loại tiền]
2. Phương thức thanh toán: Theo quy định tại Mục 13 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Theo điều kiện tại ĐKCT

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____

[ghi rõ thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Mục 8 ĐKC và kết quả thương thảo].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn tất việc thanh lý theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, mỗi bên giữ _____ bộ, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MỜI CHÀO GIÁ

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá đề xuất của Nhà cung cấp, theo các Mẫu bảng giá đề xuất tương ứng nêu tại Hồ sơ yêu cầu chào giá (HSYC chào giá) và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Nội dung bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên Bên mời chào giá*]

(sau đây gọi là Bên mời chào giá)

Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] (sau đây gọi là nhà cung cấp) là nhà cung cấp được lựa chọn triển khai gói mua sắm _____ [*Ghi tên gói mua sắm*] và đã ký hoặc cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói mua sắm trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu chào giá (*hoặc hợp đồng*), nhà cung cấp phải nộp cho Bên mời chào giá bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*Ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽³⁾] (sau đây gọi là “ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà cung cấp với số tiền là _____ [*Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên mời chào giá bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [*Ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên mời chào giá thông báo nhà cung cấp vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽⁴⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] (sau đây gọi là nhà cung cấp) là nhà cung cấp được lựa chọn triển khai gói mua sắm _____ [*Ghi tên gói mua sắm*] đã ký hợp đồng số [*Ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu nêu tại



